

Số: *143* /NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 31 tháng 10 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Lâm Đồng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 6906/TTr-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Lâm Đồng (lần 3); Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016 - 2020

Bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016 - 2020 với số tiền 1.259.285 triệu đồng; gồm:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 384.285 triệu đồng;
- Nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 875.000 triệu đồng.

Điều 2. Phân bổ bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016 - 2020

1. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 384.285 triệu đồng; gồm:

a) Bổ sung cấp vốn cho Quỹ phát triển đất của tỉnh; thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng lý biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính: 37.000 triệu đồng.

b) Hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại các khu công nghiệp: 15.000 triệu đồng.

c) Bổ sung vốn cho 52 dự án thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020: 313.700 triệu đồng; gồm:

- 14 dự án dự kiến hoàn thành năm 2020: 87.200 triệu đồng;

- 38 dự án hoàn thành sau năm 2020: 226.500 triệu đồng.

d) Bổ sung 02 dự án khởi công mới năm 2020 vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 với tổng mức đầu tư: 127.500 triệu đồng; vốn bố trí: 18.585 triệu đồng.

2. Nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 875.000 triệu đồng; gồm:

a) Thực hiện Đề án "Đà Lạt trở thành thành phố thông minh": 10.000 triệu đồng.

b) Bổ sung vốn cho các dự án đã quyết toán hoàn thành và các dự án không phải thực hiện tiết kiệm 10% tổng mức đầu tư theo Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công: 50.000 triệu đồng.

c) Bổ sung vốn thực hiện các dự án quy hoạch: 10.000 triệu đồng.

d) Thực hiện các giải pháp chống ùn tắc giao thông trên địa bàn thành phố Đà Lạt: 50.000 triệu đồng.

đ) Bổ sung vốn cho 72 dự án thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020: 581.979 triệu đồng; gồm:

- 39 dự án dự kiến hoàn thành năm 2020: 402.479 triệu đồng;

- 33 dự án hoàn thành sau năm 2020: 179.500 triệu đồng;

e) Bổ sung 06 dự án khởi công mới năm 2020 vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 với tổng mức đầu tư: 138.161 triệu đồng; vốn bố trí: 70.000 triệu đồng.

g) Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư cho 140 dự án: 103.021 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 3. Điều chỉnh danh mục các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

1. Điều chỉnh dự án "Trạm y tế xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh", tổng mức đầu tư: 3.500 triệu đồng, vốn bố trí: 3.150 triệu đồng thành dự án "Trạm y tế xã Đinh Lạc, huyện Di Linh", tổng mức đầu tư: 3.500 triệu đồng, vốn bố trí: 3.150 triệu đồng.

2. Điều chỉnh dự án "Trang thiết bị các trạm y tế", tổng mức đầu tư: 3.000 triệu đồng, vốn bố trí: 2.700 triệu đồng thành dự án "Sửa chữa, nâng cấp các trạm y tế xã", tổng mức đầu tư: 3.000 triệu đồng, vốn bố trí: 2.700 triệu đồng.

3. Điều chỉnh dự án "Đường tạm từ đường Trúc Lâm Yên Tử qua Trung tâm đón tiếp Khu du lịch hồ Tuyên Lâm", tổng mức đầu tư: 3.500 triệu đồng, vốn bố trí: 3.500 triệu đồng thành dự án "Đường từ Trúc Lâm Yên Tử qua Trung tâm đón tiếp và từ Trúc Lâm Yên Tử đến đoạn 1 nhánh phải Khu du lịch hồ Tuyên Lâm", tổng mức đầu tư: 37.000 triệu đồng, vốn bố trí 3.500 triệu đồng.

4. Điều chỉnh giảm (không đầu tư) đối với dự án "Hồ chứa nước K'Nai, huyện Đức Trọng", tổng mức đầu tư: 140.118 triệu đồng, kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2016 - 2020: 40.000 triệu đồng.

5. Bổ sung 05 dự án khởi công mới năm 2020 vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 với tổng mức đầu tư: 202.900 triệu đồng, vốn bố trí từ kế hoạch vốn của dự án hồ chứa nước K'Nai đã điều chỉnh giảm: 40.000 triệu đồng; gồm:

a) Xây dựng đường trục xã từ Quốc lộ 20 đi Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng; tổng mức đầu tư: 42.000 triệu đồng, vốn bố trí: 8.000 triệu đồng.

b) Nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Văn Thụ, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng; tổng mức đầu tư: 42.000 triệu đồng, vốn bố trí: 8.000 triệu đồng.

c) Via hè, diện chiếu sáng Quốc lộ 20 đoạn Km185+200 - Km193+532 qua địa bàn xã Ninh Gia, xã Phú Hội và đoạn Quốc lộ 28B từ ngã ba Ninh Gia đến Trung đoàn 994; diện chiếu sáng Quốc lộ 20 đoạn từ xã Phú Hội đến xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng; tổng mức đầu tư: 49.000 triệu đồng, vốn bố trí: 10.000 triệu đồng.

d) Đóng cửa bãi rác thôn P'ré, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng; tổng mức đầu tư: 20.000 triệu đồng, vốn bố trí: 6.000 triệu đồng.

đ) Đóng cửa bãi rác Cam Ly, thành phố Đà Lạt; tổng mức đầu tư: 49.900 triệu đồng, vốn bố trí: 8.000 triệu đồng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa IX, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 31 tháng 10 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ KH và DT, Bộ Tài chính;
- TT: TU, HĐND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa IX;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH, Báo Lâm Đồng;
- Chi cục VT, LT tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VP, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Trần Đức Quận

DANH MỤC BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020, NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 143/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh			Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Đầu giai đoạn	Bổ sung trong giai đoạn		
				100% ngân sách tỉnh	90% ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
TỔNG CỘNG			10.893.325	9.276.816	8.487.841	1.502.461	683.110	819.351	1.259.285	
A NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT			2.585.314	2.197.414	1.998.314	826.427	421.300	405.127	384.285	
I Vốn thực hiện các nội dung, nhiệm vụ									52.000	
1	Bổ sung cấp vốn cho Quý phát triển đất của tỉnh; thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính								37,000	
2	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng các khu công nghiệp								15,000	
II Dự án dự kiến hoàn thành năm 2020			625.142	620.142	562.747	402.200	310.000	92.200	87.200	
1	Trồng cây xanh, xây dựng vỉa hè, điện chiếu sáng Quốc lộ 20, đoạn từ hồ Nam Sơn đến ngã ba xóm Trung, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng		24,967	24,967	22,470	19,000	15,000	4,000	3,000	
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư - tái định cư Phạm Hồng Thái, phường 10, thành phố Đà Lạt	2017	75,527	75,527	67,974	55,000	50,000	5,000	6,000	
3	Đường dọc bờ sông Đa Nhim, đoạn từ cầu sắt Phú Hội đến thác Liên Khương, huyện Đức Trọng	2017	48,513	48,513	43,662	34,000	30,000	4,000	9,000	
4	Đường từ thôn 7, thị trấn Đa Tịch đi trung tâm xã An Nhơn (giai đoạn 2)	2017	60,225	60,225	54,203	47,000	40,000	7,000	7,000	
5	Nâng cấp đường Thống Nhất, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng	2018 - 2020	29,720	29,720	26,748	16,000	10,000	6,000	10,000	
6	Cầu Ông Thiệu, huyện Đơn Dương	2018 - 2020	44,995	44,995	40,496	33,000	15,000	18,000	7,000	
7	Đường khu sản xuất tập trung tiểu khu 120, xã Đa Nhim huyện Lạc Dương	2019 - 2021	14,990	14,990	14,990	7,200		7,200	7,000	
8	Đường 14/3, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương	2019 - 2021	13,500	13,500	13,500	6,000		6,000	7,500	
9	Kè chống sạt lở bờ sông Đa Quay, đoạn đi qua thôn 2, xã Đa Oai, huyện Đa Huoai	2019 - 2021	9,000	9,000	9,000	4,000		4,000	5,000	
10	Đường trục chính ngã ba Bàng Lãng đến Km1,6 đường Liên Hưng - Đầm Ròn, huyện Đam Rông		35,197	30,197	27,177	18,000	10,000	8,000	9,000	
11	Đường 26/3 vào kênh Nam, huyện Đa Tịch	2017	39,994	39,994	35,995	31,000	25,000	6,000	4,000	
12	Đường giao thông đi từ trung tâm thị trấn Đa Tịch vào khu đồng bào dân tộc thiểu số tổ dân phố 3, tổ dân phố 7, thị trấn Đa Tịch, huyện Đa Tịch	2019 - 2021	8,700	8,700	8,700	3,000		3,000	5,000	

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh			Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Đầu giai đoạn	Bổ sung trong giai đoạn		
				100% ngân sách tỉnh	90% ngân sách tỉnh					
1	2	5	7	8	9	10	11	12	13	14
13	Đường từ Quốc lộ 20 vào trung tâm xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm	2015 - 2019	177,814	177,814	160,033	94,000	80,000	14,000	5,000	
14	Nâng cấp các đường nội thị thị trấn Madaguoi, huyện Đạ Huoai		42,000	42,000	37,800	35,000	35,000		2,700	
III	Dự án hoàn thành sau năm 2020		1.832.672	1.452.272	1.323.067	417.927	105.000	312.927	226.500	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường ĐH.412 - ĐH.413, huyện Đơn Dương	2018 - 2023	80,000	80,000	72,000	28,000	10,000	18,000	5,000	
2	Đập thủy lợi Ma Am, xã Đà Loan, huyện Đức Trọng		31,750	31,750	28,575	14,000	10,000	4,000	5,000	
3	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.15, từ Quốc lộ 27 đi trung tâm xã Quảng Lập, huyện Đơn Dương	2019 - 2021	28,000	28,000	25,200	8,000		8,000	8,000	
4	Cầu từ thôn Lạc Viên A, thôn Lạc Viên B nội thôn Gian Dân, xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương	2019 - 2021	35,000	35,000	31,500	10,000		10,000	10,000	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Phú Hội đến Km196 của Quốc lộ 20	2019 - 2021	14,981	14,981	14,981	5,000		5,000	4,000	
6	Đường vành đai phía Đông bắc thị trấn Di Linh, huyện Di Linh	2019 - 2021	70,000	70,000	63,000	15,000		15,000	5,000	
7	Đường Ý Lan, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc	2019 - 2021	24,000	24,000	21,600	7,000		7,000	4,000	
8	Nâng cấp Trường quân sự tỉnh Lâm Đồng (giai đoạn I)	2019 - 2021	24,779	24,779	22,500	6,000		6,000	5,000	
9	Đường giao thông từ thị trấn Di Linh đi xã Tân Châu, huyện Di Linh	2019 - 2021	42,000	42,000	37,800	10,000		10,000	7,000	
10	Đường tránh ngập Đình Lạc - Bảo Thuận, huyện Di Linh	2019 - 2021	14,900	14,900	14,900	4,000		4,000	4,000	
11	Đường liên xã từ Hồ 1, xã Đa M'Kông đi thôn Cil Mup, xã Đa Tông, huyện Đam Rông	2019 - 2021	26,000	26,000	23,400	6,000		6,000	5,000	
12	Trụ sở làm việc Đảng ủy, UBND, khối mặt trận và các đoàn thể thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên	2019 - 2021	14,900	14,900	14,900	5,000		5,000	4,000	
13	Nâng cấp đường Cát Lợi đi Cát Lâm 1, thị trấn Phước Cát, huyện Cát Tiên	2019 - 2021	22,800	22,800	20,520	7,000		7,000	5,000	
14	Đường giao thông thôn 4, xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm	2019 - 2021	12,600	12,600	12,600	4,000		4,000	4,000	
15	Trụ sở Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim, huyện Lạc Dương	2019 - 2021	12,000	12,000	12,000	3,500		3,500	4,500	
16	Đường Tôn Thất Thuyết, thành phố Bảo Lộc	2019 - 2021	13,200	13,200	13,200	6,000		6,000	3,000	
17	Cầu Lộc Đức, xã Lộc Thanh, thành phố Bảo Lộc	2019 - 2021	14,000	14,000	14,000	7,000		7,000	3,000	

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh			Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Đầu giai đoạn	Bổ sung trong giai đoạn		
				100% ngân sách tỉnh	90% ngân sách tỉnh					
1	2	5	7	8	9	10	11	12	13	14
18	Đường liên xã Triệu Hải - Dạ PaI, huyện Dạ Têh	2019 - 2023	99,000	99,000	89,100	28,427		28,427	10,000	
19	Hồ chống bồi lắng, nhà máy xử lý nước thải khu vực Đan Kia - Suối Vàng, huyện Lạc Dương (giai đoạn 1)	2018 - 2020	80,000	80,000	72,000	36,000	15,000	21,000	4,000	
20	Hệ thống thoát nước dọc và vỉa hè đường ĐT.721, đoạn từ cầu treo đi thị trấn Phước Cát, huyện Cát Tiên	2019 - 2021	8,500	8,500	8,500	3,000		3,000	3,000	
21	Đường liên xã thôn Phú Trung, xã Phú Hội đi thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng	2019 - 2021	14,700	10,300	10,300	4,000		4,000	3,000	Vốn NS huyện: 4,4 tỷ đồng
22	Đường liên xã từ thôn Liêng Đông, xã Phi Liêng đi xã Dạ K'Nàng, huyện Đam Rông	2019 - 2021	33,000	33,000	29,700	8,000		8,000	5,000	
23	Đường xã Hòa Ninh đi thôn 6, xã Đình Trang Hòa, huyện Di Linh	2019 - 2021	22,000	22,000	19,800	4,000		4,000	5,000	
24	Đường từ cầu Dạ K'Nàng đi Bằng Pá, huyện Đam Rông	2019 - 2021	40,000	40,000	36,000	7,500		7,500	6,000	
25	Đường giao thông liên xã Nam Hà - Gia Lâm, huyện Lâm Hà	2019 - 2021	13,000	13,000	13,000	4,000		4,000	5,000	
26	Nâng cấp đường B'Sa - Đoàn Kết (quy hoạch là đường ĐT.721), huyện Đa Huoai		50,000	50,000	45,000	20,000	20,000		9,500	
27	Đường liên xã từ thôn 1, xã Dạ Oai đi xã Dạ Tồn, huyện Dạ Huoai	2019 - 2023	140,000	140,000	126,000	24,000		24,000	10,000	
28	Đường liên xã Tu Tra - Ka Đơn, huyện Đơn Dương	2019 - 2021	20,712	20,712	18,641	7,000		7,000	4,000	
29	Đường Trần Quang Khải, xã Đại Nga, thành phố Bảo Lộc	2019 - 2021	14,900	14,900	14,900	8,000		8,000	3,000	
30	Nâng cấp mở rộng đường ĐH.13 giáp đường nhựa Nguyễn Chí Thanh đến đường Phạm Ngọc Thạch, huyện Đơn Dương	2019 - 2021	14,950	14,950	14,950	4,000		4,000	5,000	
31	Đường nội thị thị trấn Di Linh, huyện Di Linh	2019 - 2021	40,000	40,000	36,000	7,000		7,000	7,000	
32	Đường giao thông liên xã Hoài Đức đi Tân Thanh, huyện Lâm Hà	2019 - 2021	60,000	60,000	54,000	12,000		12,000	10,000	
33	Đường ĐH.93 (Bù Khiêu đi Đức Phổ), huyện Cát Tiên	2019 - 2021	95,000	95,000	85,500	20,000		20,000	10,000	
34	Vỉa hè, hệ thống thoát nước dọc đường trung tâm thị trấn Lộc Thắng (đi vào khu tái định cư Bôxít), huyện Bảo Lâm	2019 - 2021	60,000	60,000	54,000	10,000		10,000	8,000	
35	Nâng cấp cải tạo đường Phú Mỹ, huyện Cát Tiên	2019 - 2021	30,000	30,000	27,000	7,000		7,000	7,000	
36	Khu quy hoạch dân cư 5B, thành phố Đà Lạt		399,000	68,000	61,200	55,000	50,000	5,000	10,000	
37	Đường từ Trúc Lâm Yên Tử qua Trung tâm đón tiếp và từ Trúc Lâm Yên Tử đến đoạn 1 nhánh phải Khu du lịch hồ Tuyền Lâm		37,000	37,000	33,300	3,500		3,500	6,500	

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh			Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Đầu giai đoạn	Bổ sung trong giai đoạn		
				100% ngân sách tỉnh	90% ngân sách tỉnh					
1	2	5	7	8	9	10	11	12	13	14
38	Chỉnh trị sông, chống sạt lở bờ sông hạ du thủy điện Đa Nhim, huyện Đam Dương (đổi ứng vốn NSTW)	2018 - 2020	80,000	35,000	31,500				10,000	
IV	Dự án khởi công mới trong năm 2020		127,500	125,000	112,500	6,300	6,300		18,585	
1	Nút giao Phan Chu Trinh, thành phố Đà Lạt		17,500	15,000	13,500	6,300	6,300		3,585	Công trình cấp bách, chống ùn tắc giao thông
2	Tru sở HDND và UBND thành phố Bảo Lộc		110,000	110,000	99,000	0			15,000	
B	NGUỒN THU TƯ HOẠT ĐỘNG XÓ SỔ KIẾN THIẾT		8,308,011	7,079,402	6,489,527	676,034	261,810	414,224	875,000	
1	Vốn thực hiện các nội dung, nhiệm vụ								120,000	
1	Thực hiện Đề án "Đà Lạt trở thành thành phố thông minh"								10,000	
2	Bổ sung vốn cho các dự án đã quyết toán hoàn thành và các dự án không phải thực hiện tiết kiệm 10% tổng mức đầu tư theo Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ								50,000	
3	Bổ sung vốn thực hiện các dự án quy hoạch								10,000	
4	Thực hiện các giải pháp chống ùn tắc giao thông trên địa bàn thành phố Đà Lạt								50,000	
11	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2020		1,468,882	1,072,873	1,006,254	469,867	261,810	208,057	402,479	
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Đức Trọng (giai đoạn 2)	2018 - 2020	14,892	14,892	14,892	10,000	10,000		4,000	
2	Nhà Văn hóa - Thể thao huyện Bảo Lâm (giai đoạn 2)	2018 - 2020	20,000	20,000	18,000	15,000	15,000		3,000	
3	Trường THCS Tân Văn, huyện Lâm Hà	2018-2020	21,000	18,500	16,650	15,000	5,000	10,000	1,000	Vốn NS huyện: 2,5 tỷ đồng
4	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Cát Tiên (hạng mục nhà văn hóa trung tâm)	2017	51,811	51,811	46,630	35,000	15,000	20,000	11,600	
5	Trường THCS K'Nai, huyện Đức Trọng	2019 - 2021	10,900	10,900	10,900	9,810	9,810		1,000	
6	Trường Tiểu học Lê Lợi, thành phố Đà Lạt	2019 - 2021	15,000	15,000	13,500	10,000	10,000		3,000	
7	Trường Tiểu học Lăng Tô, huyện Đam Rông	2019 - 2021	6,000	6,000	6,000	2,500		2,500	3,500	
8	Trường Mầm non Gia Hiệp, huyện Di Linh	2019 - 2021	8,000	8,000	8,000	3,500		3,500	4,000	
9	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản, huyện Đạ Huoai	2019 - 2021	7,000	7,000	7,000	4,000		4,000	3,000	
10	Nâng cấp, mở rộng hệ thống nước tự chảy phục vụ sinh hoạt và sản xuất xã Đa M'ri, huyện Đạ Huoai	2019 - 2021	15,000	15,000	13,500	6,000		6,000	7,500	
11	Trường Mẫu giáo Liên Hà, huyện Lâm Hà	2019 - 2021	6,000	6,000	6,000	2,500		2,500	3,500	

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh			Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Đầu giai đoạn	Bổ sung trong giai đoạn		
				100% ngân sách tỉnh	90% ngân sách tỉnh					
1	2	5	7	8	9	10	11	12	13	14
12	Đường GTNT từ thôn Ninh Thủy đi thôn Ninh Hạ, xã Nam Ninh huyện Cát Tiên	2019 - 2021	8,500	8,500	8,500	4,000		4,000	4,000	
13	Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Lâm Đồng	2019 - 2021	7,310	7,310	7,310	5,000		5,000	2,000	
14	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Di Linh	2019 - 2021	7,000	7,000	7,000	5,000		5,000	2,000	
15	Đầu tư một số hạng mục còn lại tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh Lâm Đồng (Sân vận động thành phố Đà Lạt)	2019 - 2023	300,868	274,736	247,262	99,000	57,000	42,000	148,000	
16	Cơ sở hạ tầng khu thể thao thuộc Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh Lâm Đồng	2014	313,506	313,506	297,113	97,000	97,000		72,000	Đền bù GPMB khu trung tâm huấn luyện thể thao của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
17	Trang thiết bị Đài Phát thanh - Truyền hình Lâm Đồng	2019 - 2021	17,000	17,000	15,300	5,000		5,000	10,000	
18	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong, huyện Cát Tiên	2019 - 2021	12,000	12,000	12,000	7,000		7,000	5,000	
19	Trường Mầm non Sao Sáng, huyện Đơn Dương	2019 - 2021	12,500	12,500	12,500	4,000		4,000	8,000	
20	Trường Tiểu học Tân Châu 1, huyện Di Linh	2019 - 2021	12,000	12,000	12,000	4,000		4,000	8,000	
21	Trường Tiểu học Lán Tranh 2, huyện Lâm Hà	2019 - 2021	10,000	10,000	10,000	4,000		4,000	6,000	
22	Trường Tiểu học Phi Tô, huyện Lâm Hà	2019 - 2021	10,000	10,000	10,000	4,000		4,000	6,000	
23	Trường TH và THCS Vũ A Đình, huyện Bảo Lâm (giai đoạn 2)	2019 - 2021	9,000	9,000	9,000	2,500		2,500	6,500	
24	Trường THCS Chu Văn An, thành phố Bảo Lộc	2019 - 2021	10,000	10,000	10,000	4,000		4,000	6,000	
25	Trường Mẫu giáo Kim Đồng 2, thành phố Bảo Lộc	2019 - 2021	8,000	8,000	8,000	3,500		3,500	4,500	
26	Trường THPT Bùi Thị Xuân, thành phố Đà Lạt	2019 - 2021	12,000	12,000	12,000	5,000		5,000	7,000	
27	Trường Tiểu học Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm	2019 - 2021	11,000	11,000	11,000	4,500		4,500	6,500	
28	Trường Tiểu học Lê Văn Tám, thành phố Bảo Lộc	2019 - 2021	10,000	10,000	10,000	5,000		5,000	5,000	
29	Trường Mầm non thị trấn Đạ Tẻh, huyện Đạ Tẻh	2019 - 2021	8,000	8,000	8,000	3,000		3,000	5,000	
30	Trường mầm non D'Ran, huyện Đơn Dương	2019 - 2021	12,500	12,500	12,500	4,000		4,000	8,000	

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh			Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Đầu giai đoạn	Bổ sung trong giai đoạn		
				100% ngân sách tỉnh	90% ngân sách tỉnh					
1	2	5	7	8	9	10	11	12	13	14
31	Trường THCS Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc	2019 - 2021	9,000	9,000	9,000	5,000		5,000	4,000	
32	Trường Mẫu giáo Tuổi Ngọc, huyện Di Linh	2019 - 2021	10,000	10,000	10,000	5,000		5,000	5,000	
33	Đầu tư một số hạng mục của Trung tâm Y tế huyện Di Linh	2019 - 2021	12,000	12,000	12,000	7,000		7,000	5,000	
34	Đường GTNT thôn 3, xã Lộc Châu đi xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh		23,400	23,400	21,060	20,000	10,000	10,000	1,000	
35	Xây dựng tuyến kênh kết hợp đường giao thông nội đồng Bàu Có, huyện Đa Thiện (giai đoạn 2)	2017	14,500	14,500	14,500	13,000	10,000	3,000	1,000	
36	Đường GTNT từ ngã ba Trần Quốc Toàn, xã Hoài Đức đi xã Liên Hà, huyện Lâm Hà		25,000	18,000	16,200	13,000	5,000	8,000	3,000	
37	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (giai đoạn 2) (đối ứng NSTW)		383,559	32,000	28,000	18,000	18,000		10,000	
38	Xử lý hiện tượng trượt nứt khu vực đường Nguyễn Văn Trỗi và đường Trương Công Định, thành phố Đà Lạt	2019 - 2020	17,636	8,818	7,936	3,057		3,057	4,879	Vốn ngân sách thành phố Đà Lạt 50%
39	Đường giao thông nối thôn Liên Phương với thôn Trung Hưng, xã Gia Viễn, huyện Cát Tiên	2019 - 2021	7,000	7,000	7,000	3,000		3,000	4,000	
III	Dự án hoàn thành sau năm 2020		749.742	749.742	700.125	206.167		206.167	179.500	
1	Trường MN Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương	2019 - 2021	14,500	14,500	14,500	5,000		5,000	5,000	
2	Trường Tiểu học Quảng Hiệp, huyện Đức Trọng	2019 - 2021	18,732	18,732	16,859	5,000		5,000	5,000	
3	Trường Mẫu giáo Đà Loan, huyện Đức Trọng	2019 - 2021	14,000	14,000	14,000	4,000		4,000	5,000	
4	Trường Tiểu học Rô Men, huyện Đơn Dương	2019 - 2021	14,000	14,000	14,000	4,000		4,000	5,000	
5	Trường Tiểu học Bảo Thuận, huyện Di Linh	2019 - 2021	13,000	13,000	13,000	4,000		4,000	4,000	
6	Trường THCS Tam Bố, huyện Di Linh	2019 - 2021	14,500	14,500	14,500	4,000		4,000	5,000	
7	Trường THCS Lộc Nam, huyện Bảo Lâm	2019 - 2021	14,500	14,500	14,500	4,000		4,000	5,000	
8	Trường Tiểu học Lộc Thành B, huyện Bảo Lâm	2019 - 2021	14,000	14,000	14,000	4,000		4,000	5,000	
9	Trường Tiểu học Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm	2019 - 2021	14,350	14,350	14,350	4,000		4,000	5,000	
10	Trường THCS Trần Phú, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm	2019 - 2021	14,800	14,800	14,800	4,000		4,000	5,000	

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh			Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Đầu giai đoạn	Bổ sung trong giai đoạn		
				100% ngân sách tỉnh	90% ngân sách tỉnh					
1	2	5	7	8	9	10	11	12	13	14
11	Trường THCS Lộc Thành, huyện Bảo Lâm	2019 - 2021	14,500	14,500	14,500	4,000		4,000	5,000	
12	Trường Tiểu học Lộc An C, huyện Bảo Lâm	2019 - 2021	14.800	14,800	14,800	4,000		4,000	5,000	
13	Trường TH và THCS Nguyễn Bình Khiêm, huyện Bảo Lâm	2019 - 2021	14,500	14,500	14,500	4,000		4,000	5,000	
14	Trường THCS Quang Trung, thành phố Bảo Lộc	2019 - 2021	14,500	14,500	14,500	5,000		5,000	5,000	
15	Trường THPT Lương Thế Vinh, huyện Đức Trọng	2019 - 2021	18,000	18,000	16,200	5,000		5,000	5,000	
16	Xây dựng cầu sắt An Giang và đường GTNT từ TK 72 đến khu sản xuất Đạ Knash, huyện Đam Rông	2019 - 2021	30.000	30,000	27,000	7,000		7,000	5,000	
17	Đường GTNT vào khu sản xuất lớn xã Hòa Bắc - Hòa Nam, huyện Di Linh	2019 - 2021	14,900	14,900	14,900	5,000		5,000	4,000	
18	Hệ thống nước xã Đạ Nhim, huyện Lạc Dương	2019 - 2021	20,000	20,000	18,000	8,100		8,100	4,000	
19	Trường Tiểu học Phú Thạnh, huyện Đức Trọng	2019 - 2021	10,230	10,230	10,230	4,000		4,000	3,600	
20	Trường Mầm non Đạ Long, huyện Đam Rông	2019 - 2021	13,000	13,000	13,000	5,500		5,500	4,000	
21	Trường Tiểu học An Hiệp, huyện Đức Trọng	2019 - 2021	16,000	16,000	14,400	7,000		7,000	4,000	
22	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Lạc Dương	2019 - 2021	14,500	14,500	14,500	5,000		5,000	4,000	
23	Đầu tư một số hạng mục hoàn thiện Bệnh viện II Lâm Đồng	2019 - 2021	30,000	30,000	27,000	12,000		12,000	5,000	
24	Mở rộng Khoa phẫu thuật gây mê và Khoa hồi sức tích cực chống độc Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	2019 - 2021	30,000	30,000	27,000	12,000		12,000	5,000	
25	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh Lâm Đồng	2019 - 2021	50,000	50,000	45,000	9,000		9,000	6,000	
26	Xây dựng mới khối nhà A Trường Chính trị tỉnh	2019 - 2021	25.820	25,820	23,238	8,862		8,862	6,000	
27	Đường trục chính vào Khu tái định cư đồng bào dân tộc thôn 4, xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm	2019 - 2021	50,000	50,000	45,000	9,000		9,000	7,000	
28	Cầu Đạ Long, huyện Đam Rông	2019 - 2021	33,120	33,120	29,808	12,000		12,000	10,000	
29	Đường thôn 1, xã Đạ Tồn đi buôn B'Kêh, thị trấn Madaguôi, huyện Đạ Huoai (Đường vào khu sản xuất xã Đạ Tồn)	2019 - 2021	18,000	18,000	16,200	8,705		8,705	3,500	

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh			Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Đầu giai đoạn	Bổ sung trong giai đoạn		
				100% ngân sách tỉnh	90% ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
30	Đường giao thông từ Lăng Hai đi trung tâm xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà	2019 - 2021	29,500	29,500	26,550	10,000		10,000	6,000	
31	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT đi từ ĐT.725 vào buôn Đa Nhar - lên khu sản xuất cao su tập trung + xã Quốc Oai, huyện Đạ Tẻh	2019 - 2021	77,000	77,000	69,300	7,000		7,000	12,000	
32	Đường GTNT liên xã Liên Hà đi Đan Phượng huyện Lâm Hà	2019 - 2021	50,000	50,000	45,000	8,000		8,000	12,000	
33	Đường GTNT thôn 2, xã Liêng Srônh nối Quốc lộ 27 với huyện Đam Rông	2019 - 2021	14,990	14,990	14,990	4,000		4,000	5,000	
IV	Dự án khởi công mới năm 2020		138,161	138,161	126,161				70,000	
1	Mở rộng Khoa ung bướu thuộc Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	2020 - 2022	23,000	23,000	20,700				20,700	Thực hiện Đề án bệnh viện vệ tinh
2	Đầu tư thiết bị Khoa chẩn đoán hình ảnh Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	2020 - 2022	27,000	27,000	24,300				24,200	
3	Mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lâm Đồng (tại huyện Đức Trọng)	2020 - 2022	14,990	14,990	14,990				7,000	
4	Trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Phú Hội	2020 - 2024	70,000	70,000	63,000				15,000	
5	Kê gia cố mái đập đất bờ hồ kéo dài nhánh trái đường vòng hồ Tuyền Lâm, thành phố Đà Lạt	2020 - 2022	1,671	1,671	1,671				1,600	
6	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Hội nông dân tỉnh Lâm Đồng	2020 - 2022	1,500	1,500	1,500				1,500	
V	Chuẩn bị đầu tư		5,951,226	5,118,626	4,656,988				103,021	
1	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm hành chính thành phố Đà Lạt								1,000	
2	Đường Võ Thị Sáu, thành phố Đà Lạt		19,000	19,000	17,100				500	
3	Nâng cấp đoạn từ ngã ba Trần Quốc Toàn - Sương Nguyệt Anh đến ngã ba Trần Quốc Toàn - Yersin, lắp đặt đèn trang trí, đường đi bộ quanh hồ Xuân Hương, thành phố Đà Lạt		46,000	46,000	41,400				1,000	
4	Đường giao thông nối từ đường Lữ Gia xuống thượng lưu hồ Xuân Hương và xây dựng kê chắn xung quanh hồ lũng số 1 và dọc theo suối (đoạn từ hồ lũng số 1 đến điểm đường Lữ Gia mở rộng), thành phố Đà Lạt		138,000	138,000	124,200				1,000	
5	Trường THPT chuyên Thăng Long - Đà Lạt		150,000	150,000	135,000				1,000	
6	Công viên Yersin, thành phố Đà Lạt (giai đoạn 3)		170,000	170,000	153,000				1,000	
7	Tượng đài tỉnh								500	
8	Nâng cấp một số tuyến đường trên địa bàn huyện Lạc Dương		29,500	29,500	26,550				750	
9	Đường liên xã từ thôn Đa Griêng, xã Đà Loan đi thôn Tả Nhiên, xã Tả Năng, huyện Đức Trọng		45,000	45,000	40,500				1,000	

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh			Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Đầu giai đoạn	Bổ sung trong giai đoạn		
				100% ngân sách tỉnh	90% ngân sách tỉnh					
1	2	5	7	8	9	10	11	12	13	14
10	Vĩa hè, điện chiếu sáng Quốc lộ 20, đoạn từ Chùa Bà Cha đến đường cao tốc Liên Khương - Prenn, huyện Đức Trọng		36,000	36,000	32,400				1,000	
11	Xây dựng hoàn chỉnh 2 trường tiểu học: Tân Hội, Bông Lai, huyện Đức Trọng		24,700	24,700	22,230				500	
12	Trường Tiểu học Lạc Xuân và Trường Tiểu học Suối Thông, huyện Đơn Dương		24,000	24,000	21,600				500	
13	Đường giao thông liên xã Phi Tô đi xã Lát, huyện Lạc Dương		214,000	214,000	192,600				1,000	
14	Đường GTNT liên xã từ xã Đan Phượng, huyện Lâm Hà đi xã Tân Thành, huyện Đức Trọng		70,000	70,000	63,000				1,000	
15	Hồ chứa nước Đa Nòng II, xã Đa Tông, huyện Đam Rông		27,000	27,000	24,300				500	
16	Hồ chứa nước Đa Na Hát (thôn Pul), xã Đa K'Nang, huyện Đam Rông		25,000	25,000	22,500				500	
17	Trường THCS và THPT Võ Nguyên Giáp, huyện Đam Rông		20,000	20,000	18,000				500	
18	Nâng cấp bãi chôn lấp rác thải rắn xã Lộc Phú, huyện Bảo Lâm		19,000	19,000	17,100				500	
19	Vĩa hè, hệ thống chiếu sáng hai bên đường Quốc lộ 20, đoạn qua xã Lộc An, huyện Bảo Lâm		35,000	35,000	31,500				1,000	
20	Nhà thiếu nhi huyện Bảo Lâm		45,000	45,000	40,500				1,000	
21	Xây dựng hoàn chỉnh 02 Trường Tiểu học: Tân Sơn và Bùi Thị Xuân, thành phố Bảo Lộc		23,500	23,500	21,150				500	
22	Đường nối đường Lê Thị Riêng đến đường quanh hồ Mai Thành, thành phố Bảo Lộc		14,900	14,900	14,900				400	
23	Xây dựng các tuyến đường đô thị: Đường nối từ khu phố 3, phường B'Lao đến đường vành đai phía Nam và đến đường Lam Sơn, thành phố Bảo Lộc		79,900	79,900	71,910				1,000	
24	Cầu Ông Thọ, xã Lộc Thành, thành phố Bảo Lộc		12,943	12,943	12,943				400	
25	Trung tâm Văn hóa thông tin - Thể thao huyện Đa Huoai		65,000	65,000	58,500				1,000	
26	Hệ thống thoát nước thị trấn Đa Tịch, huyện Đa Tịch		60,000	60,000	54,000				1,000	
27	Trường THCS Đa Kho, huyện Đa Tịch		12,000	12,000	12,000				400	
28	Đường 3L và đường 3K, thị trấn Cát Tiên; đường vào khu 5, khu 10, thị trấn Cát Tiên đi xã Mỹ Lâm (đường DH.90), huyện Cát Tiên		160,000	160,000	144,000				1,000	
29	Đường nối thị trấn Phước Cát, huyện Cát Tiên		30,000	30,000	27,000				1,000	
30	Đầu tư một số kênh mương thủy lợi huyện Cát Tiên		30,000	30,000	27,000				1,000	
31	Đầu tư một số hạng mục cho 03 trường THPT đạt chuẩn trên địa bàn huyện Lâm Hà và huyện Đam Rông		16,000	16,000	14,400				500	
32	Đầu tư một số hạng mục cho 30 trường THPT đạt chuẩn trên địa bàn huyện Đức Trọng		22,000	22,000	19,800				500	
33	Đường vành đai thị trấn Madaguôi, huyện Đa Huoai		205,000	205,000	184,500				1,000	
34	Đường trục xã Phú Hội đi Tân Hội, huyện Đức Trọng		24,000	24,000	21,600				500	
35	Đường Madaguôi đi Đa Oai (Đường DH15), huyện Đa Huoai		73,000	73,000	65,700				1,000	

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh			Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Đầu giai đoạn			Bổ sung trong giai đoạn
				100% ngân sách tỉnh	90% ngân sách tỉnh					
1	2	5	7	8	9	10	11	12	13	14
36	Đường vành đai thành phố Đà Lạt và cơ sở hạ tầng các khu dân cư		800,000						5,000	
37	Đường tránh thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương		138,000	138,000	124,200				1,000	
38	Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Khoa học và Công nghệ		25,000	25,000	22,500				500	
39	Cầu Bà Trung, Bà Bông trên đường ĐT.729		70,000	70,000	63,000				1,000	
40	Trường Mầm non Hòa Nam, huyện Di Linh		8,000	8,000	8,000				500	
41	Đầu tư các trường đạt chuẩn quốc gia và nông thôn mới: Tiểu học Sơn Điền, PTDT bán trú Sơn Điền, TH và THCS Gia Bắc, huyện Di Linh		45,900	45,900	41,310				1,000	
42	Trường Tiểu học Đình Trang Hòa 1; Trường TH và THCS Đình Trang Thượng, huyện Di Linh		29,400	29,400	26,460				1,000	
43	Đầu tư các trường THCS đạt chuẩn: Tân Nghĩa, Gia Hiệp, Đình Trang Hòa 1, Bảo Thuận, huyện Di Linh		30,000	30,000	27,000				1,000	
44	Nâng cấp đường từ ĐT.721 đi vào khu dân cư tập trung các tổ dân phố 3A và 3B; đường giao thông các tổ dân phố 2C và 2D, thị trấn Đạ Tẻh, huyện Đạ Tẻh		54,000	54,000	48,600				1,000	
45	Điện chiếu sáng đèn Mimoso, thành phố Đà Lạt		12,000	12,000	12,000				500	
46	Nâng cấp cải tạo 2 tuyến đường Nguyễn Tử Lạc, Phan Đình Phùng - thành phố Đà Lạt		58,228	39,228	35,305				1,000	
47	Nâng cấp mở rộng đường trung tâm xã Đạ Sar, huyện Lạc Dương		14,950	14,950	14,950				400	
48	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường đô thị: Văn Lang, Jiêng Ot, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương		29,900	29,900	26,910				500	
49	Đường từ xã Lát, huyện Lạc Dương đi xã Phú Tô, huyện Lâm Hà		90,000	90,000	85,500				1,000	
50	Nâng cấp mở rộng đường 19/5, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương		99,000	99,000	89,100				1,000	
51	Đường vào khu dân cư Phú An, xã Phú Hội; làng nghề thổ cẩm Đa Ra Hoa, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng		29,000	29,000	26,100				500	
52	Đường trục xã Liên Hiệp đi N'Thol Ha, huyện Đức Trọng		48,000	48,000	43,200				1,000	
53	Thảm nhựa, vỉa hè, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh đường Trần Phú, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng		30,000	25,000	22,500				1,000	
54	03 cầu trên tuyến đường ĐH.412 - ĐH.413, huyện Đơn Dương		30,000	30,000	27,000				1,000	
55	Kè chống sạt lở đường từ cầu Ông Đậu đến công Lạc Quảng, thị trấn D'Ran; Kè gia cố chống sạt lở hạ lưu công đảng Ka Đê, huyện Đơn Dương		26,000	26,000	23,400				700	
56	Đầu tư xây dựng các tuyến đường GTNT trên địa bàn huyện Đơn Dương		45,000	45,000	40,500				1,000	
57	Đường liên xã từ thị trấn Bàng Lãng đi xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông		58,107	58,107	52,296				1,000	

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh			Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Đầu giai đoạn	Bổ sung trong giai đoạn		
				100% ngân sách tỉnh	90% ngân sách tỉnh					
1	2	5	7	8	9	10	11	12	13	14
58	Nâng cấp đường liên xã Hoà Ninh - Hoà Bắc và xây dựng 02 tuyến đường đối nội thuộc khu quy hoạch Hòa Ninh, huyện Di Linh		35,000	35,000	31,500				1,000	
59	Đường liên xã Tân Nghĩa - Tân Châu - Tân Thượng, huyện Di Linh		49,500	49,500	44,550				1,000	
60	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ ngã 5 xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm đi thành phố Bảo Lộc (nối với đường Phùng Hưng, thành phố Bảo Lộc)		49,811	49,811	44,830				1,000	
61	Đường giao thông xã B'lá đi xã Lộc Quảng, huyện Bảo Lâm		32,000	32,000	28,800				1,000	
62	Xây dựng các tuyến đường: Lê Thị Riêng nối đường Phan Chu Trinh, thành phố Bảo Lộc; đường Nguyễn Khắc Nhu, xã Lộc Nga, thành phố Bảo Lộc đi xã Tân Lạc, huyện Bảo Lâm		45,000	45,000	40,500				1,000	
63	Xây dựng các tuyến đô thị: đường Lê Lai nối đường Phan Chu Trinh, phường Lộc Tiến; hệ thống thoát nước, vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ, phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc		43,000	43,000	38,700				1,000	
64	Đường nối Nguyễn Tri Phương (phường Lộc Tiến) đến đường Nguyễn An Ninh; đường Nguyễn Tri Phương nối đường Phùng Hưng, thành phố Bảo Lộc		49,800	49,800	44,820				1,000	
65	Đường liên thôn 11, 13, 14, xã Đam B'ri, thành phố Bảo Lộc đi xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm		29,000	29,000	26,100				700	
66	Đường Quốc lộ 20 vào trung tâm xã Đa P'Loa, huyện Đa Huoai (giai đoạn 2)		49,733	49,733	44,760				1,000	
67	Nâng cấp đường Nguyễn Thái Học, huyện Đa Huoai		14,700	14,700	14,700				400	
68	Nâng cấp đường Võ Thị Sáu, huyện Đa Huoai		14,900	14,900	14,900				400	
69	Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng đường Quốc lộ 20, đoạn qua thị trấn Madagui, huyện Đa Huoai		14,700	14,700	14,700				400	
70	Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng đường nội thị trấn Madagui và đường Quốc lộ 20, đoạn qua huyện Đa Huoai		14,100	14,100	14,100				400	
71	Đường giao thông đi từ đường 3/2 đến đường 26/3, thị trấn Đa Têh tuyến nhánh 1, nhánh 2, huyện Đa Têh		45,000	45,000	40,500				1,000	
72	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ đường ĐT.721 vào khu Mỏ Vet, xã Đa Kho, huyện Đa Têh		70,000	70,000	63,000				1,000	
73	Nâng cấp, mở rộng đường từ đường ĐT.721 vào các thôn: Hương Thụy, Hương Sơn, Hương Thanh, xã Hương Lâm, huyện Đa Têh		48,000	48,000	43,200				1,000	
74	Vòng xoay giao thông giữa đường vào cầu Đa Têh và đường vào các xã: Đa Kho, Quảng Tri, Triều Hải, Đa Pal, huyện Đa Têh		9,000	9,000	9,000				500	
75	Nâng cấp đường Phú Mỹ đi Mỹ Lâm (đường DH97), huyện Cát Tiên		23,700	23,700	21,330				500	
76	Nâng cấp đường vào hồ Đaklô, huyện Cát Tiên		19,500	19,500	17,550				500	

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh			Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Đầu giai đoạn	Bổ sung trong giai đoạn		
				100% ngân sách tỉnh	90% ngân sách tỉnh					
1	2	5	7	8	9	10	11	12	13	14
77	Đầu tư các tuyến đường thị trấn: đường Trần Lê (đường L.ô 2); hệ thống thoát nước dọc, vỉa hè đường ĐT.721 đoạn qua tổ dân phố 1; các đường 3H (từ trạm bơm Phú Mỹ đi Lô 2), đường 3B; đường giao thông liên thôn từ C7 đi C13, huyện Cát Tiên		100,000	100,000	90,000				1,000	
78	Nâng cấp, mở rộng hệ thống thoát nước tổ dân phố 2 vào bãi rác thị trấn Phước Cát, huyện Cát Tiên		7,000	7,000	7,000				300	
79	Đường giao thông nối dài từ thôn Nghĩa Thủy đến đường DH.92, xã Tư Nghĩa, huyện Cát Tiên		7,500	7,500	7,500				500	
80	Mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Nhi Lâm Đồng		14,900	14,900	14,900				500	
81	Mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch		12,000	12,000	12,000				500	
82	Cải tạo, mở rộng trụ sở Công an phường 9 làm trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát PCCC-CHCN và trang bị doanh cụ, tài sản trụ sở làm việc khối cảnh sát		16,000	16,000	14,400				500	
83	Trường Tiểu học Lân Tranh, huyện Lạc Dương		12,000	12,000	12,000				500	
84	Hoàn thiện hạ tầng Sân vận động huyện Lạc Dương		14,950	14,950	14,950				500	
85	Nâng cấp, kiến cổ hoá hệ thống thủy lợi Tuyền Lâm - Đình An - Quảng Hiệp, huyện Đức Trọng		25,000	25,000	22,500				500	
86	Nạo vét suối Đa R'Caio, thôn K'rien, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng		10,000	10,000	10,000				500	
87	Duy tu, sửa chữa đường liên xã Tân Hội - Tân Thành, huyện Đức Trọng		22,500	22,500	20,250				500	
88	Xây dựng 03 trường THCS đạt chuẩn: Nguyễn Trãi, Đà Loan, Tạ Năng, huyện Đức Trọng		35,600	29,000	26,100				1,000	
89	Xây dựng 02 trường tiểu học đạt chuẩn: Bình Thạnh, Kim Đồng, huyện Đức Trọng		44,400	44,400	39,960				1,000	
90	Xây dựng Trường Tiểu học Đà Loan, huyện Đức Trọng		23,000	23,000	20,700				1,000	
91	Xây dựng Trường Tiểu học Nguyễn Bà Ngọc, huyện Đức Trọng		17,454	17,454	15,709				1,000	
92	Nâng cấp, cải tạo doanh trại Trung đoàn 994 (giai đoạn 1)		27,000	27,000	24,300				500	
93	Xây dựng hoàn chỉnh 02 trường mầm non đạt chuẩn: Ka Đô, Hoàng Oanh, huyện Đơn Dương		29,800	29,800	26,820				500	
94	Xây dựng hoàn chỉnh 02 trường tiểu học đạt chuẩn: Ka Đơn 2, Phó, huyện Đơn Dương		29,000	29,000	26,100				500	
95	Xây dựng đường GINTI thôn Tân Hòa, xã Tân Văn đi Thạch Thất, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà và đường liên xã Mê Linh, huyện Lâm Hà đi Tân Nung, thành phố Đà Lạt		48,000	48,000	43,200				1,000	
96	Hồ thôn 1B, huyện Lâm Hà		7,000	7,000	7,000				500	
97	Trường THCS Lê Văn Tám, Trường TH Tân Văn I, huyện Lâm Hà		24,500	24,500	22,050				500	
98	Trường TH Nam Ban 1, Trường THCS Tân Thành, Trường Mầm non 2, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà		29,800	29,800	26,820				500	

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghi quyết của HĐND tỉnh			Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Đầu giai đoạn	Bổ sung trong giai đoạn		
				100% ngân sách tỉnh	90% ngân sách tỉnh					
1	2	5	7	8	9	10	11	12	13	14
99	Đường giao thông vào khu dân cư Liêng Trang 1, 2 và đường từ ĐT.722 vào khu sản xuất Pờ Pàng, xã Đa Tổng, huyện Đam Rông		40,000	38,000	34,200				1,000	
100	Hỗ thủy lợi Chiềng M'Nom 2, xã Đa Long, huyện Đam Rông		20,000	20,000	18,000				500	
101	Đầu tư 06 trường đạt chuẩn tại 03 xã: Liêng S'Rôn, Rômen, Dạ R'sa, huyện Đam Rông		21,500	21,500	19,350				500	
102	Đầu tư 06 trường đạt chuẩn tại 02 xã: Phi Liêng, Dạ K'Nang, huyện Đam Rông		28,500	28,500	25,650				500	
103	Đầu tư 03 trường đạt chuẩn tại 03 xã: Đa Long, Đa Tổng, Dạ M'Rông		13,000	13,000	13,000				500	
104	Xây dựng các tuyến đường GTNT trên địa bàn Di Linh: thôn 4 - thôn 5, xã Tam Bó; đường vào khu sản xuất lớn xã Đinh Lạc đi xã Gia Hiệp; thôn 17, xã Hòa Bắc đi xã Hòa Ninh; Cầu La Ôn trên tuyến đường Đinh Trang Hoà - Hoà Trung, huyện Di Linh		56,900	56,900	51,210				1,000	
105	Trường TH Hòa Bắc, Trường THCS Hòa Bắc, huyện Di Linh		22,900	22,900	20,610				1,000	
106	Đầu tư một số hạng mục cho 05 trường THPT đạt chuẩn trên địa bàn huyện Di Linh		27,500	27,500	24,750				500	
107	Cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung sử dụng nước hồ Đa So 2 để cấp nước cho dân cư nông thôn trên địa bàn xã Đinh Trang Thượng, huyện Di Linh		12,000	12,000	12,000				500	
108	Nâng cấp đường giao thông liên thôn Đức Thạnh - Đức Thạnh, xã Lộc Đức, huyện Bảo Lâm		14,500	14,500	14,500				500	
109	Đường giao thông thôn 9 đi thôn 10 xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm		10,000	10,000	10,000				500	
110	Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn đập hồ chứa nước thôn 6, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm		19,450	19,450	17,505				500	
111	Hệ thống nước tự chảy thôn 2, xã Lộc Lâm, huyện Bảo Lâm		5,000	5,000	5,000				300	
112	Xây dựng 03 trường tiểu học đạt chuẩn: Nguyễn Khuyến, Lê Quý Đôn, Lộc Ngãi C, huyện Bảo Lâm		44,500	44,500	40,050				500	
113	Xây dựng 02 trường mầm non đạt chuẩn: Lộc Đức, Sao Mai, huyện Bảo Lâm		25,000	25,000	22,500				500	
114	Đầu tư 02 trường TH và THCS đạt chuẩn: Bế Văn Đàn, Lương Thế Vinh, huyện Bảo Lâm		29,000	29,000	26,100				500	
115	Xây dựng trường trên địa bàn xã Lộc Ngãi đạt chuẩn: Tiểu học Lộc Ngãi B, THCS Lộc Ngãi B, huyện Bảo Lâm		29,800	29,800	26,820				500	
116	Đầu tư 02 trường mầm non đạt chuẩn: Đạm B'ri, Lộc Nga, thành phố Bảo Lộc		19,500	19,500	17,550				500	
117	Đầu tư 05 trường TH và THCS đạt chuẩn: Lý Thường Kiệt, Phan Bội Châu, Hai Bà Trưng; Lộc Thạnh, Nguyễn Khuyến, thành phố Bảo Lộc		72,000	72,000	64,800				1,000	
118	Cầu Si, xã Lộc Thạnh, thành phố Bảo Lộc		13,500	13,500	13,500				500	

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh			Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Đầu giai đoạn	Bổ sung trong giai đoạn		
				100% ngân sách tỉnh	90% ngân sách tỉnh					
1	2	5	7	8	9	10	11	12	13	14
119	Đường thôn 4, xã Đa P'Loa di khu sản xuất Đá Bàn, huyện Đa Huoai		39,000	39,000	35,100				1,000	
120	Thay thế một số phòng học, phòng chức năng xuống cấp và bổ sung một số phòng học, phòng chức năng, phòng đa năng còn thiếu các trường tiểu học và mầm non trên địa bàn huyện Đa Huoai		12,500	12,500	12,500				500	
121	Bổ sung một số phòng học, phòng chức năng, phòng đa năng cho 02 các trường THCS để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Đa Huoai		8,500	8,500	8,500				400	
122	Dự án đầu tư hạ tầng nông nghiệp cho vùng sản xuất lúa nếp quýt Đa Tịch, huyện Đa Tịch		14,800	14,800	14,800				500	
123	Kè bờ sông chống sạt lở khu dân cư thôn 1, xã Quảng Trị và thôn 3, xã Đa Kho, huyện Đa Tịch		14,900	14,900	14,900				500	
124	Đầu tư các phòng bộ môn, chức năng 05 trường trên địa bàn huyện Đa Tịch đạt chuẩn: THCS Quốc Oai, THCS Xuân Thành, Mầm non Hoa Mai, Mầm non Hoa Hồng, Mầm non Vành Khuyên, huyện Đa Tịch		14,900	14,900	14,900				500	
125	Đầu tư hoàn chỉnh 04 trường TH và THCS đạt chuẩn: Nguyễn Du, Mỹ Đức, Võ Thị Sáu, Nguyễn Trãi, huyện Đa Tịch		46,000	46,000	41,400				1,000	
126	Hồ chứa nước Phước Sơn, xã Phước Cát 2, huyện Cát Tiên		16,500	16,500	14,850				500	
127	Nạo vét suối Đa Sv, huyện Cát Tiên		10,000	10,000	10,000				500	
128	Nâng cấp cơ sở hạ tầng Vùng sản xuất lúa ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao huyện Cát Tiên		14,000	14,000	14,000				500	
129	Sửa chữa, nâng cấp các trường học trên địa bàn huyện Cát Tiên		14,950	14,950	14,950				500	
130	Sửa chữa, nâng cấp đường ĐT.725, đoạn Tân Rai - Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm		100,000	100,000	90,000				1,000	
131	Cơ sở làm việc cho lực lượng Công an xã (giai đoạn 1)		29,500	29,500	26,550				1,000	
132	Đầu tư một số hạng mục cho 04 trường THPT đạt chuẩn trên địa bàn thành phố Bảo Lộc, huyện Bảo Lâm và huyện Cát Tiên		25,200	25,200	22,680				500	
133	Hệ thống đường nội bộ, mương thoát nước hạ lưu hồ Than Thờ (đoạn giao đường Hồ Xuân Hương đến đoạn giao đường Ngô Văn Sở), thành phố Đà Lạt		15,000	15,000	13,500				500	
134	Nâng cấp đường vào nghĩa trang Xuân Thành, xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt		14,800	14,800	14,800				471	
135	Đường trung tâm thị trấn vào nghĩa địa tổ dân phố 7, thị trấn Đa Tịch, huyện Đa Tịch		14,950	14,950	14,950				500	
136	Nâng cấp đường giao thông vào hồ thủy lợi Đa Nòng, xã Đa Tông, Huyện Đam Rông		25,000	25,000	22,500				500	
137	Hệ thống thủy lợi Đơn Trang, xã Đa Tông, huyện Đam Rông		12,000	12,000	12,000				500	

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh			Kế hoạch vốn bổ sung	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Đầu giai đoạn	Bổ sung trong giai đoạn		
				100% ngân sách tỉnh	90% ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
138	Mua sắm thiết bị khu vực trung bày giới thiệu tài liệu lưu trữ Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Lâm Đồng		2,400	2,400	2,400				200	
139	Kiến cơ hóa hệ thống kênh trạm bơm Phù Mỹ, huyện Cát Tiên		13.000	13.000	13.000				500	
140	Sửa chữa, nâng cấp kênh Đạ Ròn, huyện Đam Dương; kênh N3 Đạ Đờn, huyện Lâm Hà; kênh cấp 1 Cam Ly Thượng, huyện Lâm Hà		19,000	19,000	17,100				1,000	